

QUY ĐỊNH

Về công tác Thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Hà Giang

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /2023/QĐ-UBND

ngày tháng năm 2023 của UBND tỉnh Hà Giang)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định một số nội dung về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Hà Giang, bao gồm: tổ chức phong trào thi đua, đối tượng xét tặng danh hiệu thi đua, tiêu chuẩn khen thưởng; thẩm quyền xét, quyết định, trao tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng; tuyển trình, thủ tục, hồ sơ đề nghị khen thưởng; quản lý quỹ thi đua, khen thưởng; cơ cấu, nhiệm vụ quyền hạn của Hội đồng Thi đua khen thưởng cấp tỉnh, cấp cơ sở; trách nhiệm tổ chức thực hiện.

2. Các nội dung khác về công tác thi đua, khen thưởng không quy định trong văn bản này được thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng và văn bản hướng dẫn thi hành của Chính phủ, Bộ Nội vụ và Bộ, ngành có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy định này áp dụng đối với tập thể, cá nhân thuộc các cơ quan Đảng, cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, các đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế thuộc các thành phần kinh tế; hộ gia đình và nhân dân trên địa bàn tỉnh.

2. Tổ chức nước ngoài, cá nhân người nước ngoài đang cư trú, sinh sống trên địa bàn tỉnh, tham gia các phong trào thi đua của tỉnh và có nhiều đóng góp cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

3. Tập thể, cá nhân ngoài tỉnh; người Việt Nam đang sinh sống ở nước ngoài; người nước ngoài và các tổ chức nước ngoài, có nhiều đóng góp cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong quy định này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. “Cụm, khối thi đua dưới cơ sở” là cụm, khối thi đua do các sở, ngành, hội, đoàn thể tỉnh, UBND cấp huyện tổ chức thành lập.

2. “Cơ quan, đơn vị” là các cơ quan Đảng, cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp; doanh nghiệp tham gia khối thi đua của tỉnh.

3. “Cá nhân lãnh đạo, quản lý” là người đảm nhiệm giữ các chức vụ sau:

- Trưởng phòng và tương đương (Chánh Thanh tra, Chánh Văn phòng, Chủ tịch Ủy ban MTTQ và Trưởng các đoàn thể cấp huyện, Giám đốc Trung tâm thuộc cấp huyện,...) thuộc các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, UBND cấp huyện;

- Hiệu trưởng các trường học thuộc ngành giáo dục trên địa bàn tỉnh;

- Trưởng đơn vị trực thuộc các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh;

- Cấp trưởng, cấp phó các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và tương đương (các Ban thuộc HĐND tỉnh);

- Bí thư, Phó Bí thư cấp ủy cấp huyện và tương đương (Đảng ủy thuộc Tỉnh ủy); Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND, UBND các huyện, thành phố.

- Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND, UBND tỉnh; Phó Trưởng Đoàn chuyên trách Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh; Bí thư, Phó Bí thư Tỉnh ủy.

4. “Cá nhân lao động, công tác trực tiếp” là công nhân, nông dân, chiến sỹ trong lực lượng vũ trang; là người lao động, công chức, viên chức không đảm nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 4. Nguyên tắc xét khen thưởng

Nguyên tắc xét khen thưởng được thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng, Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Thi đua, khen thưởng của Chính phủ, theo các nguyên tắc sau:

1. Khen thưởng theo đợt, theo chuyên đề phải có Chương trình, kế hoạch tổ chức phong trào thi đua và đăng ký thi đua ngay từ khi bắt đầu tổ chức triển khai thực hiện; cấp nào phát động thi đua thì xét khen bằng hình thức khen thưởng của cấp đó. Trường hợp thành tích thực sự tiêu biểu xuất sắc, có phạm vi ảnh hưởng trên địa bàn toàn tỉnh, UBND tỉnh sẽ xem xét khen thưởng.

Không xét khen thưởng theo các chuyên đề ở cấp tỉnh trở lên khi đơn vị không đăng ký thi đua hoặc chuyên đề phát động không xác định rõ mục tiêu, chỉ tiêu, thời gian thực hiện, hoặc không có hướng dẫn về tiêu chí khen thưởng của Hội đồng Thi đua, khen thưởng tỉnh hoặc cơ quan chủ trì, Ban Thi đua khen thưởng.

2. Mỗi đối tượng chỉ xét trình khen Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh 01 lần về thành tích trong thực hiện thi đua theo chuyên đề; trình khen một danh hiệu thi đua hoặc Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh trong khen thưởng thành tích thực hiện nhiệm vụ hằng năm.

3. Không cộng thành tích đã được xét khen thưởng cấp Nhà nước để trình các hình thức khen thưởng cấp tỉnh; không cộng thành tích đã được khen cấp tỉnh để trình các hình thức khen thưởng khác của cấp tỉnh (Bằng khen, CSTĐ cấp tỉnh); một sáng kiến chỉ được xem xét khen thưởng 01 lần (sáng kiến đã xét danh hiệu thi đua không được xét hình thức khen thưởng).

4. Đối với cá nhân lãnh đạo, quản lý, khi xét khen thưởng thành tích thực hiện nhiệm vụ hàng năm phải căn cứ vào thành tích của tập thể. Tập thể được khen ở cấp tỉnh mới được đề nghị khen cho lãnh đạo, quản lý và theo tỷ lệ quy định như sau:

a) Đối với đơn vị được tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh đề nghị khen thưởng ở cấp tỉnh với số lượng không quá 35% trên tổng số cá nhân lãnh đạo, quản lý của đơn vị.

b) Đối với đơn vị được tặng Cờ Thi đua của UBND tỉnh đề nghị khen thưởng ở cấp tỉnh với số lượng không quá 70% trên tổng số cá nhân lãnh đạo, quản lý của đơn vị.

c) Đối với đơn vị được tặng Cờ Thi đua của Chính phủ đề nghị khen thưởng ở cấp tỉnh cho 100% trên tổng số cá nhân lãnh đạo, quản lý của đơn vị.

4. Cấp nào quản lý về tổ chức, biên chế và quỹ lương hoặc quản lý về hành chính thì cấp đó có trách nhiệm khen thưởng và xét, trình cấp trên khen thưởng cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý.

Chương II

TỔ CHỨC PHONG TRÀO THI ĐUA, ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA, VÀ HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Điều 5. Tổ chức phong trào thi đua

1. Thi đua thường xuyên do thủ trưởng các cấp, các ngành tổ chức phát động, nhằm thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao theo định kỳ hằng năm.

a) Việc tổ chức phong trào thi đua thường xuyên được triển khai thực hiện ngay từ đầu năm dương lịch (đối với các trường học tính theo đầu năm học) tại Hội nghị tổng kết phong trào thi đua năm trước của các cấp, các khối thi đua, Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của các cơ quan, đơn vị.

b) UBND các cấp tổ chức chia cụm, khối thi đua giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị có chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc tương đồng; các cơ quan, đơn vị tổ chức chia cụm, khối thi đua giữa các tập thể (thuộc đối tượng xét tặng Cờ Thi đua) trong cùng cơ quan, đơn vị. Hướng dẫn việc tổ chức cụm, khối thi đua dưới cơ sở.

c) Kết thúc năm công tác, Chủ tịch UBND các cấp, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, trưởng các cụm, khối thi đua tiến hành tổng kết và bình xét khen thưởng theo các danh hiệu thi đua.

2. Thi đua theo chuyên đề

a) UBND tỉnh tổ chức thi đua theo chuyên đề nhằm thực hiện có hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình trọng tâm của tỉnh trong phạm vi toàn tỉnh. Hội đồng Thi đua khen thưởng tỉnh, Sở Nội vụ (Ban Thi đua khen thưởng) tham mưu cho UBND tỉnh ban hành kế hoạch tổ chức phát động và hướng dẫn công tác khen thưởng. Trường hợp tổ chức thi đua theo chuyên đề do Thủ tướng Chính phủ, phát động trong phạm vi cả nước khi sơ kết, tổng kết từ 03 năm trở lên, Hội đồng Thi đua khen thưởng tỉnh xem xét, lựa chọn những tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc để đề nghị khen thưởng hình thức cấp Nhà nước.

b) Phong trào thi đua chuyên đề do các cơ quan, đơn vị tổ chức nhằm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ trọng tâm, đột phá thuộc chức năng, nhiệm vụ được giao; khi tiến hành sơ kết, tổng kết thực hiện việc khen thưởng theo thẩm quyền. Trường

hợp cơ quan, đơn vị chủ trì tham mưu tổ chức phong trào thi đua chuyên đề có phạm vi toàn tỉnh hoặc phạm vi ngành, lĩnh vực được giao quản lý có thời gian thực hiện từ 03 năm trở lên, gửi kế hoạch tổ chức phát động thi đua về Hội đồng Thi đua khen thưởng tỉnh (qua Ban Thi đua khen thưởng) để tổng hợp và hướng dẫn công tác khen thưởng.

Điều 6. Đăng ký thi đua

1. Thời gian đăng ký thi đua

a) Đăng ký thi đua thường xuyên

Ngay từ đầu năm công tác, thủ trưởng các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị, trưởng các khối thi đua tổ chức phát động thi đua, ký kết thi đua giữa các tập thể, cá nhân trong đơn vị, giữa các đơn vị trong khối và gửi bản đăng ký thi đua với cơ quan quản lý cấp trên (qua cơ quan, bộ phận làm công tác Thi đua, khen thưởng để theo dõi), làm cơ sở đánh giá kết quả, hiệu quả của phong trào và bình xét thi đua. Thời gian gửi đăng ký thi đua thường xuyên: trước 15/01 hàng năm; đối với các đơn vị thuộc ngành giáo dục: trước 15/10 hàng năm.

b) Đăng ký thi đua theo chuyên đề

Ngay sau khi tổ chức phát động hoặc ban hành chương trình, kế hoạch tổ chức thi đua theo chuyên đề, thủ trưởng các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị gửi bản đăng ký thi đua với cơ quan quản lý cấp trên (qua cơ quan, bộ phận làm công tác Thi đua, khen thưởng để theo dõi), làm cơ sở đánh giá kết quả, hiệu quả của phong trào và bình xét khen thưởng. Thời gian gửi đăng ký thi đua: trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày phát động phong trào thi đua chuyên đề.

2. Nội dung đăng ký thi đua bao gồm:

a) Tên phong trào thi đua, thời gian thực hiện.

b) Nội dung mục tiêu, chỉ tiêu thi đua chủ yếu.

c) Các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng và số lượng đăng ký phấn đấu đạt được.

Điều 7. Danh hiệu thi đua

1. Đối tượng xét tặng danh hiệu thi đua

a) Đối tượng xét tặng danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”, “Tập thể Lao động xuất sắc” gồm:

- Phòng, ban, đơn vị thuộc và trực thuộc các sở, ngành, đoàn thể tỉnh;

- Các đơn vị thuộc tổ chức hội đặc thù;

- Khoa, phòng và tương đương thuộc các trường chuyên nghiệp của tỉnh, trường chuyên nghiệp trực thuộc các Sở; khoa, phòng và tương đương thuộc các Bệnh viện trực thuộc Sở Y tế;

- Phòng, ban và tương đương cấp huyện; các đơn vị trường học thuộc cấp huyện; tập thể cán bộ, công chức cấp xã;

- Phòng, ban và đơn vị thuộc, trực thuộc các doanh nghiệp nhà nước do tỉnh quản lý;

- Doanh nghiệp ngoài nhà nước có từ 10 lao động thường xuyên trở lên (trừ các tổng công ty), Hợp tác xã, Quỹ tín dụng; các đơn vị trực thuộc tổng công ty (doanh nghiệp ngoài nhà nước) như: công ty, xí nghiệp, phân xưởng, phòng.

b) Đối tượng xét tặng danh hiệu “Đơn vị tiên tiến” gồm:

- Ban Bảo vệ dân phố;
- Ban chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn.

c) Đối tượng xét tặng Cờ Thi đua của UBND tỉnh gồm các tập thể sau:

- Các huyện, thành phố, sở, ban, ngành, đoàn thể, hội đặc thù, doanh nghiệp tham gia thành viên thuộc các khối thi đua của tỉnh;

- Đơn vị trực thuộc các sở, đơn vị cấp xã, trường học thuộc hệ thống ngành giáo dục tham gia là thành viên cụm, khối thi đua dưới cơ sở;

- Doanh nghiệp ngoài nhà nước, hợp tác xã tham gia là thành viên cụm, khối thi đua dưới cơ sở.

d) Đối tượng xét tặng Cờ Thi đua Chính phủ (do UBND tỉnh trình đề nghị) là các tập thể đơn vị quy định tại điểm c, khoản 1 Điều này (trừ các đơn vị thuộc ngành dọc quản lý và doanh nghiệp thuộc tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước quản lý).

đ) Đối tượng xét danh hiệu thi đua cá nhân:

- Đối tượng xét danh hiệu “Chiến sĩ tiên tiến” thuộc thẩm quyền Chủ tịch UBND cấp huyện gồm: cán bộ chỉ huy đơn vị dân quân tự vệ thường trực, Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó Ban chỉ huy quân sự cấp xã.

- Đối tượng xét danh hiệu “Chiến sĩ Thi đua cấp tỉnh”, “Chiến sĩ Thi đua toàn quốc” thuộc thẩm quyền Chủ tịch UBND tỉnh là cá nhân trong các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

2. Tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua:

a) Tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua: “Chiến sĩ Thi đua toàn quốc”, “Chiến sĩ Thi đua cấp tỉnh”, “Chiến sĩ Thi đua cơ sở”, “Lao động tiên tiến”, “Tập thể Lao động tiên tiến”, “Tập thể Lao động xuất sắc”: thực hiện theo quy định từ Điều 21 đến Điều 24 và từ Điều 27 đến Điều 28 của Luật Thi đua, khen thưởng.

b) Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” để tặng cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý, đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1, Điều 24 Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2022 và đạt các tiêu chuẩn sau:

- Cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn dưới 01 năm, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thì thời gian học tập được tính vào thời gian công tác tại cơ quan, đơn vị để được bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”. Trường hợp cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ 01 năm trở lên, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, có kết quả học tập từ loại khá trở lên thì được xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

- Thời gian nghỉ thai sản theo quy định được tính để bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

- Đối với cá nhân chuyên công tác, cơ quan, tổ chức, đơn vị mới có trách nhiệm xem xét, bình bầu danh hiệu “Lao động tiên tiến” (trường hợp có thời gian công tác ở cơ quan cũ từ 06 tháng trở lên phải có ý kiến nhận xét của cơ quan cũ).

- Trường hợp được điều động, biệt phái đến cơ quan, đơn vị khác trong một thời gian nhất định thì việc xem xét, bình bầu danh hiệu “Lao động tiên tiến”, do cơ quan, đơn vị điều động, biệt phái xem xét quyết định (có ý kiến nhận xét của cơ quan, đơn vị tiếp nhận cá nhân được điều động, biệt phái).

- Không xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” đối với một trong các trường hợp: Mới tuyển dụng dưới 10 tháng, bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên.

c) Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” để tặng cho công nhân, nông dân, người lao động không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 24 của Luật Thi đua khen thưởng, đạt các tiêu chuẩn sau:

- Lao động, sản xuất có hiệu quả, tích cực tham gia phong trào thi đua và hoạt động xã hội;

- Lập được nhiều thành tích trong lao động, sản xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong lĩnh vực, ngành, nghề; có đóng góp trong việc đào tạo, bồi dưỡng, giúp đỡ đồng nghiệp để nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề;

- Có mô hình sản xuất hiệu quả, ổn định, có phạm vi ảnh hưởng trong địa bàn và giúp đỡ hộ nông dân khác phát triển kinh tế, tạo việc làm cho người lao động.

- gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; có đạo đức, lối sống lành mạnh, đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ mọi người trong cộng đồng.

d) Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” để tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn tại khoản 1 Điều 27 của Luật Thi đua, khen thưởng và đạt các tiêu chuẩn sau:

- Có cá nhân hoặc tập thể có giải pháp, đề tài được áp dụng hiệu quả trong lĩnh vực ngành, nghề, được cơ quan công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng tại cơ quan, đơn vị;

- Có cách làm sáng tạo, hiệu quả; tạo được sự chuyển biến rõ nét, hiệu quả nổi trội trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, nhiệm vụ chính trị;

- Nếu là tổ chức Đảng phải được xếp loại Chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ.

đ) Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” để tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn tại khoản 1 Điều 28 của Luật Thi đua, khen thưởng và đạt các tiêu chuẩn sau:

- Thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể;

- Có cách làm hiệu quả trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, nhiệm vụ chính trị;

- Nếu có tổ chức Đảng, được xếp loại Chi bộ hoàn thành nhiệm vụ.

3. Tiêu chuẩn tặng Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh được xét tặng hàng năm trong thực hiện phong trào thi đua thường xuyên, cho tập thể dẫn đầu các khối thi đua tỉnh, khối thi đua dưới cơ sở và đạt các tiêu chuẩn sau:

- Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu và nhiệm vụ được giao trong năm, với chất lượng, hiệu suất công tác cao; tích cực hưởng ứng phong trào thi đua do các cấp phát động, có phong trào thi đua mang lại hiệu quả, góp phần vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

- Có nhân tố mới, mô hình mới để các đơn vị khác học tập; nội bộ đoàn kết; tích cực thực hành tiết kiệm; thực hiện chống lãng phí, chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội có hiệu quả; không có cá nhân hoặc tập thể vi phạm pháp luật;

- Tích cực tham gia thực hiện tốt các hoạt động từ thiện xã hội ở địa phương;

- Được khối giao ước thi đua, Hội đồng Thi đua khen thưởng cơ sở bình chọn, suy tôn là đơn vị có thành tích thi đua tiêu biểu xuất sắc, có kết quả chấm điểm thi đua dẫn đầu khối giao ước thi đua của tỉnh, của huyện, thành phố hoặc của ngành.

b) Danh hiệu Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng cho tập thể dẫn đầu phong trào thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh phát động có thời gian thực hiện từ 03 năm trở lên, khi sơ kết, tổng kết phong trào.

4. Tiêu chuẩn xét tặng Cờ Thi đua Chính phủ:

Tiêu chuẩn xét tặng Cờ Thi đua Chính phủ được tặng cho tập thể đạt tiêu các tiêu chuẩn tại các khoản 1, 2, 3 Điều 25 của Luật Thi đua, khen thưởng và quy định của Chính phủ.

5. Tỷ lệ xét tặng danh hiệu:

a) Tỷ lệ xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ Thi đua cơ sở” trong các cơ quan, đơn vị không quá 20% trên tổng số cá đạt các tiêu chuẩn danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến” của đơn vị; trong đó bảo đảm có ít nhất 50% cá nhân là người lao động, công tác trực tiếp.

b) Tỷ lệ xét tặng danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” trong các cơ quan, đơn vị (được xét danh hiệu thi đua cho tập thể thuộc và trực thuộc):

- Cơ quan, đơn vị được tặng Cờ Thi đua Chính phủ: xét trình không quá 80% trên tổng số tập thể đạt tiêu chuẩn danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”.

- Cơ quan, đơn vị được tặng Cờ Thi đua của tỉnh: xét trình không quá 60% trên tổng số tập thể đạt tiêu chuẩn danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến”.

- Cơ quan, đơn vị được tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh: xét trình không quá 40% trên tổng số tập thể đạt tiêu chuẩn danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”.

- Các cơ quan, đơn vị không được khen cấp tỉnh: xét trình không quá 20% trên tổng số tập thể đạt tiêu chuẩn danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”.

Điều 8. Thành tích được áp dụng, tính là sáng kiến trong tiêu chuẩn xét danh hiệu thi đua cấp tỉnh, cấp cơ sở cho cá nhân

1. Thành tích được áp dụng, tính là sáng kiến trong tiêu chuẩn xét Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”:

a) Cá nhân có giải pháp, đề tài, sản phẩm đạt giải khuyến khích trở lên trong các cuộc thi, hội thi về sáng tạo kỹ thuật do UBND tỉnh hoặc do Liên hiệp Hội Khoa học kỹ thuật Trung ương tổ chức (không xét theo giải trao cho nhóm tác giả).

b) Cá nhân là phóng viên, nhà báo đạt giải ba trở lên trong các cuộc thi sáng tác, tuyên truyền bằng báo viết, báo hình do UBND tỉnh hoặc cơ quan trung ương tổ chức.

c) Cá nhân là đạo diễn có tác phẩm đạt giải và diễn viên nghệ thuật đạt giải từ khuyến khích trở lên trong các cuộc thi chuyên ngành về nghệ thuật cấp khu vực trở lên (không xét theo giải trao cho nhóm, cho tập thể);

d) Cá nhân là giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở đạt “giáo viên dạy giỏi cấp huyện” trở lên; giáo viên trung học phổ thông, giáo dục thường xuyên cấp tỉnh đạt “giáo viên dạy giỏi cấp trường” trở lên.

đ) Cá nhân là giáo viên trực tiếp giảng dạy, bồi dưỡng được 01 học sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh, cấp quốc gia; riêng giáo viên tại các trường trên địa bàn huyện nghèo, xã nghèo được áp dụng có học sinh đạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp huyện (không tính giải theo các cuộc thi qua mạng Internet).

e) Cá nhân là huấn luyện viên có vận động viên đạt Huy chương vàng, bạc, đồng trong các cuộc thi cấp quốc gia về thể dục thể thao.

2. Thành tích được áp dụng, tính là sáng kiến trong tiêu chuẩn xét Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”:

a) Cá nhân có giải pháp, đề tài, sản phẩm đạt giải ba trở lên trong các cuộc thi, hội thi về sáng tạo kỹ thuật do UBND tỉnh hoặc Liên hiệp Hội Khoa học kỹ thuật Trung ương tổ chức, hoặc được tặng Bằng Lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam (không xét theo giải trao cho nhóm tác giả).

b) Cá nhân là phóng viên, nhà báo đạt giải nhất trong các cuộc thi sáng tác, tuyên truyền bằng báo viết, báo hình do UBND tỉnh tổ chức; hoặc đạt giải ba trở lên trong các cuộc thi sáng tác, tuyên truyền do cơ quan trung ương tổ chức.

c) Cá nhân là đạo diễn có tác phẩm đạt giải và diễn viên nghệ thuật đạt giải từ giải nhì trở lên trong các cuộc thi chuyên ngành về nghệ thuật cấp khu vực; hoặc đạt giải ba trở lên trong các cuộc thi chuyên ngành về nghệ thuật toàn quốc (không xét theo giải trao cho nhóm, cho tập thể).

d) Cá nhân là giáo viên, giảng viên đạt giáo viên, giảng viên dạy giỏi trong hội thi giáo viên, giảng viên giỏi cấp tỉnh, cấp toàn quốc.

đ) Cá nhân là giáo viên trực tiếp giảng dạy, bồi dưỡng được 01 học sinh đạt giải nhất, nhì, ba hoặc Huy chương vàng, bạc, đồng trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia, quốc tế (không tính giải theo các cuộc thi qua mạng Internet).

e) Cá nhân là huấn luyện viên có vận động viên đạt Huy chương vàng, bạc, đồng trong các cuộc thi cấp quốc tế về thể dục thể thao.

Điều 9. Đối tượng, tiêu chuẩn Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh

Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh được tặng cho tập thể, cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

1. Tập thể, cá nhân, hộ gia đình có thành tích xuất sắc, đạt các tiêu chuẩn theo quy định của UBND tỉnh, Hội đồng Thi đua khen thưởng tỉnh về khen thưởng theo phong trào thi đua chuyên đề.

2. Tập thể, cá nhân tiêu biểu trong 02 năm liên tục về thực hiện nhiệm vụ công tác hằng năm:

a) Tập thể tiêu biểu trong số các tập thể có 02 năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong đó có 01 năm được công nhận đạt danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”, năm trình khen đạt tiêu chuẩn “tập thể lao động xuất sắc”. Đối với cơ quan, đơn vị có nhiều tập thể thuộc đối tượng xét tặng danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”, số lượng trình khen không quá 30% số tập thể thuộc, trực thuộc đơn vị.

b) Cá nhân tiêu biểu trong số cá nhân có 02 năm liên tục được đánh giá xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở. Số lượng trình khen không quá 10% so với tổng số cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của đơn vị.

3. Tập thể, cá nhân đạt thành tích cao (Nhất, nhì, ba hoặc Huy chương vàng, bạc, đồng và tương đương) trong các kỳ thi, hội thi cấp quốc gia, khu vực, quốc tế.

4. Tập thể, cá nhân lập được thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong lao động, sản xuất, chiến đấu, phục vụ chiến đấu, bảo đảm an ninh trật tự; thành tích đó có phạm vi ảnh hưởng lớn được phổ biến nhân rộng toàn tỉnh.

5. Tập thể, cá nhân có thành tích dũng cảm cứu người, cứu tài sản của nhân dân và của Nhà nước.

6. Tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện phong trào thi đua kỷ niệm thành lập ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương vào năm tròn (năm tròn là năm có chữ số cuối cùng là 0).

7. Tập thể, cá nhân thuộc các đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn và tập thể, cá nhân ngoài tỉnh, có nhiều thành tích xuất sắc đóng góp tích cực vào sự nghiệp xây dựng và phát triển tỉnh Hà Giang.

8. Công nhân, người lao động, nông dân, hộ gia đình gương mẫu, chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước và đạt tiêu chuẩn sau:

a) Công nhân, người lao động có sáng kiến mang lại lợi ích từ 50 triệu đồng trở lên và có tinh thần giúp đỡ đồng nghiệp nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề.

b) Nông dân, hộ gia đình có mô hình sản xuất mới từ nguồn lực đầu tư của gia đình, tăng thu nhập cho gia đình và ổn định từ 02 năm trở lên, giúp đỡ ít nhất 02 hộ gia đình khác thoát nghèo bền vững.

9. Tập thể, cá nhân, hộ gia đình luôn gương mẫu chấp hành tốt chính sách pháp luật của Nhà nước, quy định của địa phương và có thành tích trong công tác xã hội hóa như sau:

a) Đối với tập thể: Huy động cá nhân trong tập thể đóng góp, ủng hộ (tiền, hiện vật, công sức) hoặc hỗ trợ từ nguồn kinh phí của tập thể được từ 100 triệu đồng trở lên/năm cho các xã (phường, thị trấn), các đơn vị trên địa bàn tỉnh thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an sinh xã hội.

b) Đối với cá nhân: Ủng hộ bằng tiền hoặc hiện vật, công sức có tổng trị giá từ 50 triệu đồng trở lên cho các xã (phường, thị trấn), các đơn vị trên địa bàn tỉnh thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an sinh xã hội.

c) Đối với hộ gia đình: Ủng hộ bằng tiền hoặc hiến đất, tài sản gắn liền trên đất thuộc quyền sở hữu của hộ gia đình, hoặc ủng hộ bằng hiện vật, công sức có tổng trị giá từ 50 triệu đồng trở lên cho thôn, xã xây dựng nông thôn mới, các đơn vị trên địa bàn tỉnh thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an sinh xã hội.

Điều 10. Đối tượng, tiêu chuẩn Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã, Thủ trưởng các sở, ban, ngành và tương đương

1. Giấy khen Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã được tặng cho tập thể, cá nhân, hộ gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, thực hiện tốt nghĩa vụ công dân và đạt một trong các tiêu chuẩn sau (thành tích tiêu biểu ở cấp nào thì khen ở cấp đó):

a) Tập thể, cá nhân, hộ gia đình có thành tích tiêu biểu trong phong trào thi đua thường xuyên hàng năm. Số lượng khen do UBND cấp huyện, cấp xã quy định cụ thể trong tổng kết phong trào thi đua hàng năm.

b) Tập thể, cá nhân, hộ gia đình có thành tích tiêu biểu, đạt tiêu chuẩn quy định về công tác khen thưởng trong thực hiện các phong trào thi đua chuyên đề do UBND các cấp phát động, triển khai.

c) Tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc, được biểu dương nêu gương “Người tốt - việc tốt” hoặc có thành tích được đánh giá là điển hình tiên tiến, được phổ biến nhân rộng trên địa bàn cấp huyện, cấp xã.

d) Tập thể, cá nhân có thành tích đột xuất như: dũng cảm cứu người, cứu tài sản của nhân dân, của Nhà nước; dũng cảm, mưu trí trong truy bắt tội phạm hình sự, bảo đảm an toàn trật tự xã hội.

đ) Tập thể, cá nhân có thành tích trong thực hiện mục tiêu xã hội hóa, đã ủng hộ, hỗ trợ bằng tiền, hiện vật, công sức hoặc hiến đất, tài sản trên đất thuộc quyền sở hữu cho các xã (phường, thị trấn), các đơn vị trên địa bàn thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, an sinh xã hội

- Đối với tập thể: Huy động cá nhân trong tập thể đóng góp, ủng hộ hoặc hỗ trợ từ nguồn kinh phí của tập thể được từ 40 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng/năm được xét tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện; từ 10 triệu đồng đến dưới 40 triệu đồng được xét tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã.

- Đối với cá nhân: Ủng hộ bằng tiền hoặc hiện vật, công sức có tổng trị giá từ 10 triệu đồng đến dưới 50 triệu đồng/ năm được xét tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện; từ 03 triệu đồng đến dưới 10 triệu đồng được xét tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã.

- Đối với hộ gia đình: hiến đất, tài sản gắn liền trên đất thuộc quyền sở hữu của hộ gia đình hoặc ủng hộ bằng tiền, hiện vật, công sức có tổng trị giá từ 10 triệu đồng đến dưới 50 triệu đồng/ năm được xét tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện; từ 03 triệu đồng đến dưới 10 triệu đồng được xét tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã.

2. Giấy khen của Thủ trưởng các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể tỉnh và doanh nghiệp, HTX (Ủy ban MTTQ và một số đoàn thể cấp tỉnh là Bằng khen) được tặng cho tập thể, cá nhân hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu trong phong trào thi đua thường xuyên hàng năm. Số lượng khen do thủ trưởng các cơ quan, đơn vị quy định cụ thể trong tổng kết phong trào thi đua hàng năm.

b) Tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu, đạt tiêu chuẩn quy định về công tác khen thưởng trong các phong trào thi đua chuyên đề do UBND tỉnh, bộ, ngành, đoàn thể Trung ương và thủ trưởng cơ quan, đơn vị phát động, triển khai.

c) Tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc, được biểu dương nêu gương “Người tốt – việc tốt” hoặc có thành tích xuất sắc nổi trội được đánh giá là điển hình tiên tiến, được phổ biến nhân rộng trong phạm vi toàn cơ quan, đơn vị.

d) Tập thể, cá nhân có thành tích đột xuất như: dũng cảm cứu người, cứu tài sản của nhân dân, của Nhà nước; dũng cảm, mưu trí trong truy bắt tội phạm hình sự, bảo đảm an toàn trật tự xã hội.

Điều 11. Điều kiện xét khen thưởng

1. Điều kiện về khoảng thời gian lập thành tích trong khen thưởng thành tích thực hiện nhiệm vụ tại quy định về tiêu chuẩn khen các hình thức cấp Nhà nước là “05 năm tiếp theo trở lên” hoặc “10 năm trở lên” được tính tối đa không quá 02 lần khoảng thời gian theo quy định của từng tiêu chuẩn. Điều kiện, tiêu chí thành tích xét là “Cờ Thi đua”, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ”, “Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh” phải là thành tích được ghi nhận trong khoảng thời gian 5 năm, hoặc 10 năm sát với thời điểm trình khen.

2. Khen thưởng quá trình cống hiến: Chỉ xem xét đề nghị khen thưởng cho các cá nhân có đủ điều kiện, tiêu chuẩn khi đã nghỉ hưu hoặc có thông báo nghỉ hưu và đề nghị truy tặng khen thưởng cho cá nhân có thời gian giữ chức vụ được xét khen thưởng đã từ trần; không căn cứ vào thành tích đã được khen thưởng xuyên để đề nghị nâng hạng khen quá trình cống hiến.

3. Khen thưởng đối với các cơ quan ngành dọc:

a) Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc ngành dọc quản lý về biên chế, quỹ lương (gồm: Liên đoàn Lao động, Thống kê, Hải quan, Thuế, Kho bạc, Ngân hàng, lực lượng vũ trang; các Doanh nghiệp Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh và doanh nghiệp thuộc tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước) xem xét khen thưởng, đề nghị cấp trên xét khen thưởng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng cấp Nhà nước theo ngành dọc.

b) Ủy ban nhân dân tỉnh xét khen thưởng “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”, “Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh” cho cơ quan, đơn vị ngành dọc tham gia các khối giao ước thi đua của tỉnh, tích cực thực hiện phong trào thi đua của tỉnh và có nhiều thành tích xuất sắc, đóng góp vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Hà Giang.

4. Đối với các hội là tổ chức xã hội - nghề nghiệp chỉ xem xét khen thưởng cho tập thể hội và hội viên khi tổ chức Đại hội nhiệm kỳ.

5. Các đối tượng công chức cấp xã kiêm chức danh, chỉ xem xét công nhận danh hiệu thi đua theo chức danh chính.

Chương III

THẨM QUYỀN XÉT DUYỆT, QUYẾT ĐỊNH, TRAO TẶNG KHEN THƯỞNG, TUYỂN TRÌNH VÀ THỦ TỤC, HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG

Điều 12. Thẩm quyền xét duyệt, quyết định và trao tặng

1. Thẩm quyền xét duyệt khen thưởng:

a) Các hình thức, danh hiệu khen thưởng trình Hội đồng Thi đua khen thưởng tỉnh họp xét bao gồm:

- Hình thức, danh hiệu khen thưởng cấp Nhà nước (hình thức, danh hiệu khen thưởng thuộc thẩm quyền Chủ tịch Nước, Thủ tướng Chính phủ quyết định khen hoặc phong tặng).

- Danh hiệu “Chiến sĩ Thi đua cấp tỉnh”, danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”; “Cờ Thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”; “ Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh” về thành tích thực hiện nhiệm vụ hàng năm.

b) Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, cho ý kiến trước khi trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước đối với các trường hợp:

- Đề nghị khen thưởng cho cá nhân thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

- Đề nghị khen thưởng cho tập thể, cá nhân theo các hình thức khen từ mức “Huân chương lao động hạng Ba” trở lên và các danh hiệu vinh dự Nhà nước (trừ danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng), danh hiệu “Chiến sĩ Thi đua toàn quốc”.

c) Ban Thi đua khen thưởng thẩm định, xét duyệt và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định khen bằng khen về thành tích đột xuất, thành tích theo chuyên đề và khen đối ngoại.

2. Thẩm quyền quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp tỉnh và cơ sở:

a) Giao cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tặng “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” cho các tập thể thuộc đối tượng tặng Cờ thi đua của tỉnh được quy định tại điểm a, khoản 3, Điều 7 Quy định này.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” cho các tập thể, cá nhân thuộc phạm vi quản lý và “Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh” cho các tập thể, cá nhân, hộ gia đình (trong tỉnh và ngoài tỉnh) có thành tích đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và phát triển tỉnh Hà Giang; tặng danh hiệu “Đơn vị tiên tiến”

đối với tập thể (lực lượng không chính quy), tiểu đội dân quân, tự vệ nông cốt; Ban chỉ huy quân sự cấp xã.

c) Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh; Giám đốc các doanh nghiệp nhà nước quyết định tặng danh hiệu thi đua: “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Tập thể Lao động tiên tiến”, “Lao động tiên tiến”, cho tập thể, cá nhân thuộc quyền quản lý; tặng “Giấy khen” (“Bằng khen” đối với hội, đoàn thể theo hướng dẫn của các hội, đoàn thể Trung ương) cho các tập thể, cá nhân (trong hoặc ngoài phạm vi quản lý) có thành tích đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và phát triển của cơ quan, đơn vị.

d) Giám đốc các doanh nghiệp tư nhân, HTX quyết định tặng danh hiệu thi đua: “Lao động tiên tiến”, “Giấy khen” cho cá nhân thuộc quyền quản lý.

đ) Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố quyết định tặng:

- Danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến” cho các tập thể thuộc quyền quản lý; cho tập thể là doanh nghiệp tư nhân, HTX có trụ sở và đăng ký hoạt động trên địa bàn huyện, thành phố;

- Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” cho các cá nhân cán bộ, công chức, viên chức, nông dân thuộc quyền quản lý; cho cá nhân là công nhân, người lao động thuộc doanh nghiệp tư nhân, HTX có trụ sở và đăng ký hoạt động trên địa bàn huyện, thành phố;

- Danh hiệu “Lao động tiên tiến” cho các cá nhân cán bộ, công chức, viên chức thuộc quyền quản lý (trừ cán bộ, công chức cấp xã);

- Danh hiệu “Chiến sĩ tiên tiến” cho (lực lượng không chính quy); cán bộ chỉ huy đơn vị dân quân tự vệ thường trực, cơ động; Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó Ban chỉ huy quân sự cấp xã.

- Danh hiệu “Thôn, tổ dân phố văn hóa” cho các thôn, tổ dân phố thuộc địa bàn quản lý;

- Giấy khen cho các tập thể, cá nhân, hộ gia đình có thành tích, đóng góp vào việc thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện, thành phố.

e) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tặng:

- Danh hiệu “Lao động tiên tiến” đối với công chức, người lao động cấp xã (trừ các đối tượng được xét khen danh hiệu “Chiến sĩ tiên tiến”); đối với nông dân trên địa bàn các thôn, tổ dân phố thuộc phạm vi quản lý.

- Danh hiệu “Gia đình văn hóa” cho các hộ gia đình trên địa bàn các thôn, tổ dân phố thuộc phạm vi quản lý.

- Giấy khen cho các tập thể, cá nhân, hộ gia đình có thành tích, đóng góp vào việc thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của cấp xã.

Điều 13. Tuyến trình khen thưởng

Thực hiện theo quy định tại Điều ..., Nghị định số .../20... của Chính phủ; một số trường hợp được thực hiện như sau:

1. Đối với các tổ chức kinh tế:

a) Doanh nghiệp nhà nước (do địa phương quản lý) khen thưởng và đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng, trình khen thưởng cấp nhà nước.

b) Doanh nghiệp ngoài nhà nước, HTX có trụ sở chính tại địa phương nào do Chủ tịch UBND cấp huyện nơi đó khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng. Riêng trường hợp tham gia thành viên khối thi đua dưới cơ sở, việc xét chọn trình tặng Cờ Thi đua do đơn vị chủ trì thành lập khối thi đua xét trình UBND tỉnh.

2. Đối với các tổ chức xã hội - nghề nghiệp có trụ sở sinh hoạt chính tại địa phương nào do Chủ tịch UBND cấp huyện nơi đó khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng.

3. Trong khen thưởng theo các nội dung chuyên đề được quy định xét khen thưởng ở cấp tỉnh, cơ quan được giao nhiệm vụ thường trực, chủ trì phát động là đầu mối tổng hợp hồ sơ trình đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng.

Điều 14. Thủ tục hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước

1. Thủ tục hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp nhà nước được thực hiện theo quy định tại Mục ..., Chương ..., Nghị định số .../20.../NĐ- CP ngày .../.../20... của Chính phủ. Trong đó nội dung báo cáo thành tích thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định .../20.../NĐ-CP của Chính phủ.

2. Số lượng hồ sơ đề nghị khen thưởng gửi trình cấp tỉnh (qua Trung tâm Hành chính công tỉnh):

a) Tập thể Sở, ban, ngành, hội, đoàn thể tỉnh và thủ trưởng các Sở, ban, ngành, hội, đoàn thể cấp tỉnh: 05 bộ (bản chính) khi đề nghị khen Huân chương các loại; 04 bộ (bản chính) khi đề nghị khen danh hiệu “Chiến sỹ thi đua toàn quốc”, “Cờ thi đua của Chính phủ”, “Bằng khen Thủ tướng Chính phủ” để gửi trình qua Ban Thi đua khen thưởng Trung ương theo quy định và lưu hồ sơ khen thưởng cấp tỉnh 01 bộ, 01 bộ gửi đến cơ quan quản lý cấp trên xin hiệp ý.

b) Các huyện, thành phố, các đơn vị trực thuộc các Sở, ban, ngành và tương đương; cán bộ công chức, viên chức, công nhân, nông dân, người lao động: 04 bộ (bản chính) khi đề nghị khen Huân chương các loại; 03 bộ (bản chính) khi đề nghị khen danh hiệu “Chiến sỹ thi đua toàn quốc”, “Cờ thi đua của Chính phủ”, “Bằng khen Thủ tướng Chính phủ” để gửi trình qua Ban Thi đua khen thưởng Trung ương theo quy định và lưu hồ sơ khen thưởng cấp tỉnh 01 bộ.

c) Các cơ quan, đơn vị trình khen cấp nhà nước gửi thủ tục hồ sơ bản giấy theo quy định, đồng thời gửi file điện tử hồ sơ khen thưởng về cơ quan thường trực Hội đồng Thi đua khen thưởng tỉnh, địa chỉ: bantdkt.snv@hagiang.gov.vn để quản lý lưu trữ hồ sơ điện tử và gửi Ban Thi đua khen thưởng Trung ương khi được UBND trình đề nghị.

Điều 15. Thủ tục, hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp tỉnh

1. Hồ sơ, thủ tục đề nghị tặng “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” 01 bộ (bản chính), gồm có:

a) Tờ trình đề nghị tặng “Cờ thi đua Ủy ban nhân dân tỉnh” của trưởng khối thi đua cấp tỉnh hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố hoặc Thủ trưởng các sở, ngành có tổ chức thành lập khối thi đua dưới cơ sở.

b) Bản báo cáo thành tích của tập thể đề nghị tặng “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”; đối với các đơn vị trực thuộc sở, ngành, huyện, thành phố phải có xác nhận của Thủ trưởng cấp trên trực tiếp quản lý.

c) Biên bản họp xét của Khối thi đua tỉnh hoặc của Hội đồng Thi đua khen thưởng cấp trình khen, có ghi rõ kết quả chấm điểm thi đua của năm trình khen.

2. Hồ sơ, thủ tục đề nghị công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” - 01 bộ (bản chính), gồm có:

a) Tờ trình đề nghị tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” của Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể, doanh nghiệp.

b) Báo cáo tóm tắt thành tích trong 3 năm của cá nhân đề nghị khen danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” có xác nhận của Thủ trưởng cấp trình khen;

c) Bản photo một trong các căn cứ là điều kiện, tiêu chí xét danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh.

d) Biên bản và kết quả bỏ phiếu kín suy tôn của Hội đồng Thi đua khen thưởng cấp trình khen.

3. Hồ sơ, thủ tục đề nghị công nhận danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” - 01 bộ (bản chính), gồm có:

a) Tờ trình đề nghị tặng danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” của Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể, doanh nghiệp; kèm theo quyết định khen thưởng, công nhận các danh hiệu thi đua cấp cơ sở (thành tích năm đề nghị khen) của đơn vị trình khen.

b) Báo cáo tóm tắt thành tích của tập thể được đề nghị tặng danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”, có xác nhận của Thủ trưởng cấp trình khen.

c) Biên bản và kết quả bỏ phiếu kín suy tôn của Hội đồng Thi đua khen thưởng cấp trình khen.

4. Hồ sơ, thủ tục đề nghị tặng “Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh”

a) Hồ sơ trình khen phong trào thi đua thường xuyên, thành tích thực hiện nhiệm vụ hàng năm - 01 bộ (bản chính), gồm có:

- Tờ trình đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể, doanh nghiệp.

- Danh sách trích ngang, tóm tắt thành tích của các đối tượng được đề nghị khen (do cơ quan, đơn vị trình khen lập). Trong đó ghi rõ số, ngày, tháng, năm của Quyết định công nhận sáng kiến cấp cơ sở đối với cá nhân, Quyết định công nhận “Tập thể Lao động xuất sắc” đối với tập thể và mức độ đánh giá xếp loại 2 năm liên tục sát thời điểm trình khen; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trình khen xác nhận.

- Biên bản xét duyệt của Hội đồng Thi đua, khen thưởng cấp huyện, thành phố, sở, ban, ngành, hội, đoàn thể, doanh nghiệp.

b) Hồ sơ trình khen thưởng đột xuất, khen đối ngoại, khen theo chuyên đề - 01 bộ (bản chính), gồm có:

- Tờ trình đề nghị của đơn vị quản lý trực tiếp.

- Danh sách trích ngang và tóm tắt thành tích ghi rõ công trạng, thành tích nổi bật của các đối tượng được đề nghị khen thưởng (do cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp lập và xác nhận thành tích; thành tích đề nghị khen theo tiêu chuẩn nào phải nêu rõ thành tích đạt được theo tiêu chuẩn đó).

Điều 16. Hồ sơ, thủ tục khen thưởng cấp cơ sở

1. Hồ sơ, thủ tục xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”
 - a) Biên bản xét khen thưởng của đơn vị.
 - b) Tổng hợp trích ngang, tóm tắt thành tích của các cá nhân đề nghị tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” của đơn vị.
2. Hồ sơ, thủ tục xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”
 - a) Biên bản xét khen thưởng của đơn vị đề nghị.
 - b) Báo cáo tóm tắt thành tích của cá nhân, có xác nhận của lãnh đạo trực tiếp quản lý.
 - c) Bản photo một trong các căn cứ là điều kiện xét danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở.
3. Hồ sơ, thủ tục xét tặng danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”
 - a) Biên bản xét khen thưởng của đơn vị đề nghị.
 - b) Báo cáo tóm tắt thành tích của tập thể.
4. Hồ sơ, thủ tục xét tặng danh hiệu “Thôn, Tổ dân phố văn hoá”
 - a) Tờ trình đề nghị của Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn.
 - b) Báo cáo thành tích của tập thể đề nghị tặng danh hiệu “Thôn, Tổ dân phố văn hoá”, có xác nhận của Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn.
 - c) Biên bản xét khen thưởng của Hội đồng Thi đua khen thưởng cấp xã, phường, thị trấn.
5. Hồ sơ, thủ tục xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hoá”

Biên bản xét khen thưởng, suy tôn “Gia đình văn hoá” của thôn, tổ dân phố kèm theo danh sách các hộ được đề nghị công nhận, có xác nhận của đại diện các tổ chức đoàn thể trong thôn, tổ dân phố.
6. Hồ sơ, thủ tục đề nghị “Giấy khen”
 - a) Văn bản đề nghị khen thưởng của đơn vị trình.
 - b) Biên bản xét khen thưởng của đơn vị đề nghị khen thưởng.
 - c) Danh sách trích ngang, tóm tắt thành tích của các tập thể, cá nhân được đề nghị tặng “Giấy khen”, có xác nhận của lãnh đạo đơn vị trình khen.

Điều 17. Thời hạn nhận hồ sơ, quy trình thời gian thẩm định hồ sơ khen thưởng

1. Thời hạn nhận hồ sơ trình khen thưởng ở cấp tỉnh (qua Trung tâm Hành chính công của tỉnh):
 - a) Thời hạn nhận hồ sơ trình khen thành tích thực hiện nhiệm vụ hàng năm:

Kết thúc năm, các cơ quan, đơn vị tiến hành tổng kết, đánh giá kết quả phong trào thi đua thường xuyên, bình xét các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng. Thời gian gửi hồ sơ đề nghị khen thưởng trước ngày 15/01 của năm liền kề sau đó; riêng đối tượng thuộc các trường của Ngành giáo dục xét khen theo năm học và gửi hồ sơ đề nghị khen thưởng trước ngày 20/7 hằng năm.

b) Thời hạn nhận hồ sơ trình khen thành tích theo chuyên đề:

Các cơ quan, đơn vị trình đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng thành tích theo chuyên đề phải có kế hoạch tổ chức tổng kết (được Tỉnh ủy hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt) và gửi hồ sơ đề nghị khen thưởng trước 20 ngày so với thời điểm tổ chức Hội nghị.

c) Thời hạn nhận hồ sơ trình khen thành tích đột xuất, khen đối ngoại:

Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đối tượng trình khen, lập hồ sơ đề nghị khen ngay sau khi đối tượng lập được thành tích, công trạng được xác định là thành tích đột xuất.

2. Quy trình, thời gian thẩm định hồ sơ khen thưởng:

a) Đối với hồ sơ khen thưởng thành tích thực hiện nhiệm vụ hàng năm:

Kết thúc thời hạn tiếp nhận hồ sơ đề nghị khen thưởng, trong thời hạn 15 ngày làm việc, Sở Nội vụ (Ban Thi đua khen thưởng) trình Hội đồng Thi đua khen thưởng tỉnh xét khen thưởng. Sau khi có thông báo kết luận phiên họp Hội đồng Thi đua khen thưởng tỉnh:

- Đối với các hình thức khen cấp tỉnh: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo kết luận của Hội đồng Thi đua khen thưởng tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ký quyết định khen thưởng.

- Đối với các trường hợp đề nghị khen cấp nhà nước:

Văn phòng UBND tỉnh đề nghị UBND tỉnh trình xin ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh ủy đối với các trường hợp phải có ý kiến của cấp ủy Đảng.

Trong 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành văn bản thông báo kết luận phiên họp của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác khen thưởng, Văn phòng Tỉnh ủy trích kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về các trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh trình xin ý kiến khen thưởng.

Trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản trích kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về các trường hợp được đề nghị khen thưởng, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng (qua Ban Thi đua khen thưởng Trung ương).

Trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành tờ trình đề nghị khen thưởng của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Thi đua khen thưởng hoàn tất các thủ tục, hồ sơ theo quy định và chuyển nộp hồ sơ về Ban Thi đua khen thưởng Trung ương.

b) Đối với hồ sơ đề nghị khen tổng kết Chương trình thi đua, phong trào thi đua của tỉnh.

Thực hiện theo quy định tại văn bản hướng dẫn thực hiện tổng kết phong trào thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc của Hội đồng Thi đua khen thưởng tỉnh.

c) Đối với hồ sơ đề nghị khen thành tích theo chuyên đề:

Trong thời hạn 06 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị của các cơ quan, đơn vị, Sở Nội vụ (Ban Thi đua khen thưởng) có trách nhiệm thẩm định, xét duyệt và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng cho các đối tượng đủ điều kiện theo quy định.

Trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ trình đề nghị của Sở Nội vụ, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ký quyết định khen thưởng.

Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành Quyết định khen thưởng, Ban Thi đua khen thưởng có trách nhiệm chuẩn bị hiện vật khen thưởng, thông báo và trả kết quả khen thưởng.

Riêng các trường hợp đề nghị khen cấp nhà nước phải thực hiện quy trình thẩm định khen thưởng như đối với thành tích thực hiện nhiệm vụ hàng năm. Ban Thi đua khen thưởng thẩm định hồ sơ và trình Hội đồng Thi đua khen thưởng tỉnh xét khen thưởng tại các phiên họp định kỳ trong năm, hoặc xin ý kiến thành viên Hội đồng Thi đua khen thưởng tỉnh bằng văn bản.

d) Đối với hồ sơ đề nghị khen thành tích đột xuất, đối ngoại

Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, Ban Thi đua khen thưởng thẩm định trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hoặc đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh trình Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ khen thưởng.

Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định khen thưởng hoặc ban hành tờ trình đề nghị Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ khen thưởng.

Điều 18. Lưu trữ hồ sơ khen thưởng

Cơ quan làm công tác thi đua khen thưởng các cấp, các ngành có trách nhiệm lưu trữ hồ sơ khen thưởng và hồ sơ đề nghị khen thưởng để làm cơ sở cho việc tra cứu thẩm định thành tích, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân hoặc xác nhận cho các đối tượng khi có yêu cầu. Chế độ bảo quản hồ sơ thực hiện theo quy định về công tác lưu trữ văn bản giấy và lưu trữ văn bản điện tử.

1. Hồ sơ khen thưởng đưa vào lưu trữ bao gồm:

a) Quyết định khen thưởng.

b) Thông báo kết luận hoặc biên bản họp xét khen thưởng của Hội đồng Thi đua khen thưởng cùng cấp.

c) Hồ sơ xét khen thưởng theo quy định về thủ tục hồ sơ xét các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.

2. Hồ sơ đề nghị khen thưởng đưa vào lưu trữ gồm:

a) Quyết định khen thưởng của cấp trên.

b) Hồ sơ trình đề nghị cấp trên khen thưởng theo quy định về thủ tục hồ sơ xét các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.

c) Các văn bản có liên quan (nếu có).

Điều 19. Tổ chức trao tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Việc trao tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng được tổ chức kết hợp trong các cuộc mít tinh, lễ kỷ niệm ngày thành lập, ngày truyền thống hoặc Hội nghị tổng kết công tác; sơ kết, tổng kết phong trào thi đua, phát động phong trào thi đua mới (không tổ chức riêng lễ trao tặng và đón nhận các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng).

2. Công tác tổ chức trao tặng danh hiệu vinh dự nhà nước, huân chương, “Cờ thi đua của Chính phủ”, “Chiên sĩ thi đua toàn quốc”, “Bằng khen của Thủ tướng” được thực hiện theo quy định hiện hành của Chính phủ về nghi thức tổ chức, đảm bảo trang trọng, tiết kiệm.

3. Người công bố quyết định khen thưởng là đại diện cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua khen thưởng hoặc thành viên ban tổ chức buổi lễ (ban tổ chức Hội nghị).

Chương IV

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CÔNG TÁC THI ĐUA KHEN THƯỞNG

Điều 20. Tuyên truyền, phổ biến, nhân rộng điển hình tiên tiến

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã hàng năm có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền về tư tưởng thi đua yêu nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước, quy định của tỉnh về thi đua khen thưởng; xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, tuyên truyền phổ biến và nhân rộng điển hình tiên tiến; kịp thời biểu dương, nêu gương “người tốt - việc tốt” và khen thưởng, đề nghị khen thưởng theo thẩm quyền.

2. Ban Thi đua khen thưởng phối hợp với các cơ quan thông tin truyền thông của tỉnh đẩy mạnh công tác tuyên truyền về tư tưởng thi đua yêu nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước, quy định của tỉnh về thi đua khen thưởng; tuyên truyền, giới thiệu các gương điển hình tiên tiến, gương “người tốt - việc tốt”; tham mưu cho UBND tỉnh tổ chức biểu dương, tôn vinh, khen thưởng các điển hình tiên tiến xuất sắc để nhân rộng trên phạm vi toàn tỉnh.

Điều 21. Tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác thi đua, khen thưởng

1. Ban Thi đua khen thưởng có trách nhiệm xây dựng nội dung, chương trình bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ thường xuyên hàng năm cho đội ngũ cán bộ làm công tác thi đua khen thưởng trên địa bàn tỉnh.

2. UBND các huyện, thành phố có trách nhiệm phối hợp với Ban Thi đua khen thưởng xây dựng kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ làm công tác thi đua khen thưởng trên địa bàn phạm vi quản lý.

Điều 22. Thanh tra, kiểm tra

1. Sở Nội vụ tỉnh tham mưu xây dựng kế hoạch thanh tra việc thực hiện quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng trong kế hoạch thanh tra chuyên ngành hàng năm.

2. Ban Thi đua khen thưởng tỉnh tham mưu xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát công tác thi đua khen thưởng của Hội đồng Thi đua khen thưởng và thực hiện nhiệm vụ kiểm tra theo kế hoạch hàng năm của ngành Nội vụ.

3. Bộ phận làm công tác thi đua khen thưởng cấp cơ sở tham mưu cho Hội đồng Thi đua khen thưởng cấp mình xây dựng và thực hiện kế hoạch kiểm tra, giám sát việc triển khai phong trào thi đua và thực hiện chính sách pháp luật về thi đua khen thưởng ở các đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 23. Quản lý, sử dụng Quỹ Thi đua, khen thưởng hình thành từ nguồn ngân sách nhà nước

1. Hàng năm, căn cứ tình hình quyết toán công tác thi đua, khen thưởng năm trước và kế hoạch dự toán ngân sách năm tiếp theo, Sở Tài chính tham mưu trích Quỹ thi đua khen thưởng theo Thông tư quy định hiện hành của Bộ Tài chính và phân bổ, cấp phát kinh phí Quỹ Thi đua, khen thưởng cho cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã và các đơn vị thuộc UBND tỉnh (đơn vị có thẩm quyền khen thưởng) theo quy định sau:

- a) Ban Thi đua, khen thưởng quản lý Quỹ thi đua, khen thưởng của tỉnh.
- b) Phòng Nội vụ cấp huyện quản lý Quỹ thi đua, khen thưởng cấp huyện.
- c) Văn phòng UBND cấp xã quản lý Quỹ thi đua, khen thưởng cấp xã.
- d) Cơ quan Văn phòng các đơn vị thuộc tỉnh (có thẩm quyền khen thưởng) quản lý Quỹ Thi đua, khen thưởng của đơn vị.

2. Sử dụng Quỹ Thi đua khen thưởng

a) Quỹ Thi đua khen thưởng được sử dụng chi cho hoạt động của Hội đồng Thi đua khen thưởng cùng cấp, cho công tác tuyên truyền nhân rộng điển hình tiên tiến, cho công tác đánh giá sơ kết, tổng kết phong trào thi đua, tập huấn nghiệp vụ thi đua khen thưởng; chi thưởng, làm hiện vật khen thưởng kèm theo danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền.

b) Quỹ Thi đua khen thưởng của tỉnh có trách nhiệm chi thưởng cho các tập thể, cá nhân do UBND tỉnh trình và được Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ khen thưởng.

c) Nguyên tắc tính tiền thưởng và mức chi thưởng được thực hiện theo các điều từ Điều.... đến Điều, Nghị định số/20..../NĐ-CP của Chính phủ.

d) Chế độ cấp hiện vật khen thưởng và mẫu hiện vật khen thưởng thực hiện theo quy định tại Nghị định số/20...../NĐ-CP ngày tháng năm 20... của Chính phủ.

Điều 24. Hội đồng Thi đua, khen thưởng tỉnh

1. Thành phần Hội đồng Thi đua khen thưởng tỉnh gồm:

- a) Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch UBND tỉnh;
- b) Hội đồng có 03 Phó Chủ tịch;
- c) Số lượng ủy viên và thành phần do Chủ tịch UBND tỉnh, Chủ tịch Hội đồng Thi đua khen thưởng tỉnh quyết định.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Thi đua khen thưởng tỉnh:

a) Tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh tổ chức các phong trào thi đua yêu nước trên địa bàn toàn tỉnh; hướng dẫn triển khai rộng khắp và có hiệu quả phong trào thi đua trong thực hiện nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng - an ninh.

b) Tổng kết, phân tích kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng, tham mưu tổ chức sơ kết, tổng kết công tác thi đua khen thưởng, tổ chức biểu dương tôn vinh điển hình tiên tiến ở cấp tỉnh; đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua hàng năm và trong từng giai đoạn.

c) Đề xuất với Tỉnh ủy, UBND tỉnh về việc ban hành các quy định nhằm cụ thể hóa chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác Thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh; đề xuất sửa đổi, bổ sung chính sách, hình thức thi đua và chế độ khen thưởng cho phù hợp với tình hình phát triển xã hội.

d) Giúp Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các phong trào thi đua và chủ trương, chính sách pháp luật về thi đua khen thưởng.

đ) Phát hiện, giới thiệu điển hình tiên tiến trong các phong trào thi đua, thẩm định thành tích và đề xuất hình thức khen thưởng kịp thời.

e) Xét khen thưởng cho những cá nhân và tập thể có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước để đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh quyết định hoặc trình đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Nước quyết định tặng thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 12 Quy định này.

3. Ban Thi đua khen thưởng (Sở Nội vụ) là cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua khen thưởng tỉnh.

Điều 25. Hội đồng Thi đua, khen thưởng cấp cơ sở

1. Hội đồng Thi đua khen thưởng cấp cơ sở là cơ quan tham mưu cho cấp ủy, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị về công tác thi đua, khen thưởng; chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của cấp ủy, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trong việc hướng dẫn, tổ chức các phong trào thi đua và thực hiện công tác khen thưởng trên phạm vi địa bàn quản lý.

2. Thành phần Hội đồng Thi đua khen thưởng cơ sở gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã, Trưởng các cơ quan, đơn vị.

b) Hội đồng có 02 Phó Chủ tịch và các thành viên; trong đó Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng là lãnh đạo cơ quan, bộ phận làm công tác thi đua khen thưởng của cơ quan, đơn vị. Số lượng và cơ cấu thành viên Hội đồng do Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã, Trưởng các cơ quan, đơn vị quyết định.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Thi đua khen thưởng cơ sở

a) Tham mưu cho Chủ tịch UBND, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị triển khai các phong trào thi đua do cấp trên phát động trên địa bàn phạm vi quản lý; tổ chức phong trào thi đua theo đặc thù của địa phương, đơn vị trong thực hiện nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng - an ninh.

b) Tổng kết, phân tích kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng, tham mưu tổ chức sơ kết, tổng kết công tác thi đua khen thưởng, tổ chức biểu

dương tôn vinh điển hình tiên tiến ở cấp cơ sở; đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua hàng năm và trong từng giai đoạn.

c) Đề xuất với cấp ủy, với người đứng đầu cơ quan, đơn vị về việc ban hành các quy định nhằm cụ thể hóa chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác Thi đua, khen thưởng trên địa bàn phạm vi quản lý.

d) Giúp Chủ tịch UBND, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thực hiện công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các phong trào thi đua ở các đơn vị thuộc và trực thuộc; tham mưu thực hiện chính sách pháp luật về thi đua khen thưởng.

đ) Phát hiện, giới thiệu điển hình tiên tiến trong các phong trào thi đua của cấp mình, thẩm định thành tích và đề xuất hình thức khen thưởng kịp thời.

3. Phòng Nội vụ cấp huyện, bộ phận làm nhiệm vụ công tác thi đua khen thưởng của cấp xã, của các cơ quan, đơn vị là cơ quan, bộ phận thường trực của Hội đồng Thi đua khen thưởng cấp cơ sở.

Chương V **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 26. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh, các đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các xã, phường, thị trấn, chịu trách nhiệm chỉ đạo phong trào thi đua và công tác khen thưởng trong phạm vi ngành, địa phương mình quản lý; chủ trì phối hợp với Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức đoàn thể cùng cấp để tổ chức phát động phong trào thi đua thực hiện các chỉ tiêu nhiệm vụ chính trị của ngành, địa phương và của tỉnh.

2. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị các cấp trong phạm vi chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ của mình, tổ chức và phối hợp với các cơ quan Nhà nước để lãnh đạo, chỉ đạo, tuyên truyền vận động cán bộ, đoàn viên, hội viên, các tầng lớp nhân dân tham gia thực hiện các phong trào thi đua. Tổ chức giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng; kịp thời phản ánh, kiến nghị bổ sung, sửa đổi những nội dung chưa phù hợp của chính sách khen thưởng và đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác Thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh.

3. Báo Hà Giang, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Đài Truyền thanh truyền hình các huyện, thành phố, Trang Thông tin điện tử tỉnh và các cơ quan thông tin đại chúng khác trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm:

a) Thường xuyên tuyên truyền chủ trương, chính sách, pháp luật về thi đua, khen thưởng, về các phong trào thi đua yêu nước; nêu gương những cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức tốt phong trào thi đua trên địa bàn; phát hiện, phản ánh về những gương điển hình tiên tiến lập được thành tích cao trong các phong trào thi đua; tuyên truyền phổ biến những cách làm mới, làm hay trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội để nhân rộng trên địa bàn toàn tỉnh.

b) Tiếp nhận thông tin và kịp thời phản ánh những đơn vị, địa phương chưa (hoặc không) tổ chức phong trào thi đua yêu nước, hoặc tổ chức thi đua không thiết thực, kém hiệu quả; phản ánh việc xét khen thưởng cho các đối tượng không có tác dụng nêu gương hoặc khen thưởng không đúng quy định của pháp luật

cũng như những vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng của tập thể, cá nhân trên địa bàn tỉnh.

4. Hội đồng Thi đua, khen thưởng tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn tổ chức, đánh giá hoạt động của cụm, khối thi đua của tỉnh và cụm, khối thi đua dưới cơ sở; hướng dẫn công tác khen thưởng theo chuyên đề.

5. Sở Tài chính có trách nhiệm tham mưu trích lập, phân bổ, cấp phát kinh phí Quỹ Thi đua khen thưởng theo quy định và kiểm tra, giám sát việc sử dụng Quỹ Thi đua khen thưởng ở các cấp, các ngành.

Điều 27. Tổ chức thực hiện

1. Các cơ quan, đơn vị và các khối thi đua của tỉnh có trách nhiệm triển khai thực hiện nghiêm túc quy định này và các văn bản pháp luật về công tác thi đua khen thưởng; căn cứ Luật Thi đua khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành để xây dựng quy định, quy chế về thi đua khen thưởng phù hợp với đặc thù của cơ quan, đơn vị.

2. Sở Nội vụ (Ban Thi đua, khen thưởng) có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các cấp, các ngành thực hiện công tác thi đua, khen thưởng theo quy định này và các văn bản pháp luật về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn toàn tỉnh.

b) Thẩm định thành tích của các tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng cấp tỉnh, cấp Nhà nước.

c) Kịp thời phát hiện, thẩm định, đề xuất khen thưởng cho tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu, đột xuất, xứng đáng là điển hình cần được biểu dương, nêu gương nhân rộng toàn tỉnh.

d) Phối hợp với Cổng Thông tin điện tử tỉnh để xây dựng và phát triển Trang Thông tin điện tử Hội đồng Thi đua khen thưởng tỉnh, đảm bảo là kênh thông tin phản ánh đầy đủ, kịp thời các nội dung về công tác thi đua khen thưởng.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh về Hội đồng Thi đua, khen thưởng tỉnh (Ban Thi đua, khen thưởng) để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Ban ĐKT TW, Phòng 3;
- Thường trực Tỉnh ủy (để B/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (để B/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Thành viên Hội đồng ĐKT tỉnh;
- Sở Nội vụ (Ban ĐKT);
- Các đơn vị thuộc Khối GUTĐ của tỉnh;
- Cổng TTĐT tỉnh Hà Giang;
- Trang TTĐT HĐTĐKT tỉnh;
- Lưu: VT, NCPC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Sơn